

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ TNL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ TNL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNL INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TNL INVESTMENT GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110396668

3. Ngày thành lập: 23/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 31 Nguyễn Hoàng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988887768

Fax:

Email: tnlgroup23@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì hệ thống điện lạnh	4329
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa ô tô	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
8.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán hàng lương thực, hàng nông lâm, thủ công mỹ nghệ (Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)	4620

12.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán thực phẩm, thủy hải sản	4632
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Buôn bán quần áo, vải, sợi và nguyên phụ liệu ngành dệt may	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (Trừ loại nhà nước cấm)	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy vi tính, thiết bị máy vi tính, thiết bị công nghệ thông tin	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán điện thoại, linh kiện điện thoại, thiết bị bưu chính viễn thông.	4652
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Buôn bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, ngoại thất, thiết bị vệ sinh và các loại sơn tường, sơn chống gỉ; - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm, khai trương, khánh thành, động thổ, trưng bày giới thiệu sản phẩm, biểu diễn nghệ thuật (Trừ hoạt động hợp báo)	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
20.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: - Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời: sân golf	9311
21.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
22.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
23.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
24.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

25.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Tư vấn, thiết kế website, đồ họa, bao bì, catalog, nhãn mác, quà tặng, logo, kỷ niệm chương, mẫu in quảng cáo (không bao gồm thiết kế công trình);	6209
26.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	6619
27.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Sàn giao dịch bất động sản.	6820
29.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình. - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng. - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình xây dựng - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thi công xây dựng công trình. - Giám sát thi công xây dựng công trình. - Kiểm định xây dựng. - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	7110
30.	Quảng cáo Chi tiết: - Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo (trừ những nội dung nhà nước cấm); - Tư vấn thi công và lắp đặt biển, bảng quảng cáo các loại.	7310
31.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô - Cho thuê xe có động cơ khác	7710

32.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
33.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy hải sản	1020
34.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
35.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
36.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
37.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
38.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
39.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
40.	Sản xuất chè	1076
41.	Sản xuất cà phê	1077
42.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
43.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất hàng nông lâm, thủ công mỹ nghệ	1629
44.	In ấn (Trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
45.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
46.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
47.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ loại nhà nước cấm kinh doanh)	2420
48.	Đúc sắt, thép	2431
49.	Đúc kim loại màu	2432
50.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
51.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
52.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
53.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Chi tiết: Sản xuất máy vi tính, thiết bị máy vi tính, thiết bị văn phòng, thiết bị công nghệ thông tin	2620
54.	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Sản xuất điện thoại, linh kiện điện thoại, thiết bị bưu chính viễn thông	2630
55.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Sản xuất hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng	2640
56.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4791

57.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke vũ trường)	5510
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh Bar, phòng hát Karaoke vũ trường)	5610
59.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
60.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
61.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
62.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
63.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
64.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
65.	Thu gom rác thải độc hại	3812
66.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
67.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
68.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
69.	Xây dựng nhà để ở	4101
70.	Xây dựng nhà không để ở	4102
71.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
72.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
73.	Xây dựng công trình điện	4221
74.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
75.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
76.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
77.	Xây dựng công trình thủy	4291
78.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
79.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
80.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, các công trình thể thao, văn hóa, khu du lịch, khu sinh thái, công trình điện, công trình cấp thoát nước.	4299

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

Thời gian đăng từ ngày 24/06/2023 đến ngày 24/07/2023

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ QUYẾT THẮNG	P208-F14 Tập thể CSSV, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	660.000	6.600.000.000	33,000	0380820059 17	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	660.000	6.600.000.000	33,000		
2	HOÀNG VĂN LINH	Thôn 3, Xã Liên Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	660.000	6.600.000.000	33,000	0380820240 51	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	660.000	6.600.000.000	33,000		

3	NGUYỄN MINH ĐỨC	Tổ dân phố số 3, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	6,000	036085000019
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	6,000	
4	HOÀNG QUỐC NGHỊ	B2007 Hateco HM Sở Thượng, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	560.000	5.600.000.000	28,000	036079004967
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	560.000	5.600.000.000	28,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG VĂN LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038082024051

Ngày cấp: 23/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Thôn 3, Xã Liên Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 3, Xã Liên Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội